UBND TỈNH HƯNG YÊN
VĂN PHÒNG

Số: 458 /VPUB-PVHCC&KSTT

V/v Công bố kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công tháng 9/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2024

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Căn cứ Công văn số 2283/UBND-PVHCC&KSTT ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Trên cơ sở kết quả đồng bộ công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (CDVCQG) tại địa chỉ https://quantri.dichvucong.gov.vn/, Văn phòng UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công tháng 9/2024 của tỉnh như sau:

1. Tổng hợp các nhóm chỉ số của tỉnh Hưng Yên đạt 83,47 điểm; xếp hạng thứ 02/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó:

- Chỉ số Công khai minh bạch: 12,7/18 điểm (trung bình cả nước là 9,6/18 điểm).

+ Kết quả công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công tỉnh đạt tỷ lệ 70,7%, xếp hạng thứ 03/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số Tiến độ giải quyết: 19,7/20 điểm (trung bình cả nước là 17,3,/20 điểm), đạt tỷ lệ 98,7%, xếp hạng thứ 01/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến:

+ Dịch vụ công trực tuyến: 7,9/12 điểm (trung bình cả nước là 6,7/12 điểm), đạt tỷ lệ 84,2%, xếp hạng thứ 03/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Thanh toán trực tuyến: 8,9/10 điểm (trung bình cả nước là 6,6/10 điểm), đạt tỷ lệ 61,2%, xếp hạng thứ 21/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số Mức độ hài lòng: 18/18 điểm (trung bình cả nước là 17,6/18 điểm), đạt tỷ lệ mức độ hài lòng 100%.

- Chỉ số về số hóa hồ sơ: 16,2/22 điểm (trung bình cả nước là 14,3/22 điểm), trong đó:

+ Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 81,82%

+ Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử: 82,21%

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa: 168 hồ sơ, đạt 0,43%

2. Kết quả cụ thể một số nhóm, tiêu chí của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

(Có Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

Căn cứ kết quả nêu trên, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố: thực hiện công khai kết quả đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 97/UBND-PVHCC&KSTT ngày 15/01/2024 về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công; tiến hành rà soát, tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ để nâng cao điểm số cũng như tỷ lệ các nhóm chỉ số đang ở mức thấp, duy trì và phát huy hơn nữa các chỉ số đang ở mức tốt, trong đó, đặc biệt tăng cường các nhiệm vụ sau đây:

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa từ kết quả hồ sơ TTHC trước đó (nếu có) để sử dụng khi thực hiện TTHC tiếp theo.

- Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, nhất là đối với UBND huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ số hóa thấp và đang có xu hướng chững, giảm trong đó UBND huyện Văn Giang có tỷ lệ thấp, đạt 69,5%).

Giao Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính công khai kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-HN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC&KSTTHC[Tài];
- Lưu: VT, PVHCC&KSTT[Nh.].

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Trần Văn Thắng

Phụ lục I

MỘT SỐ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN TRONG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THÁNG 9/2024

(Kèm theo Công văn số /VPUB-PVHCC&KSTT ngày /10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Kết quả xử lý hồ sơ TTHC (%)	Tỷ lệ mức độ hài lòng (%)
I	**UBND tỉnh Hưng Yên**	**98,7**	**100**
1	Sở Tài chính	100	100
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	94,67	100
3	Sở Nội vụ	100	100
4	Sở Thông tin và Truyền thông	100	100
5	Sở Khoa học và Công nghệ	100	100
6	Sở Giao thông vận tải	99,8	100
7	Sở Xây dựng	100	100
8	Sở Y tế	88,96	100
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	100	100
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89,47	99,6
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	91,82	100
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	96,49	100
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	95,67	100
14	Sở Công Thương	99,97	100
15	Sở Tư pháp	97,59	100
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	93,02	100
17	UBND thành phố Hưng Yên	98,76	100
18	UBND huyện Ân Thi	98,51	100
19	UBND huyện Kim Động	98,92	100
20	UBND huyện Khoái Châu	99,36	100
21	UBND huyện Tiên Lữ	98,99	100
22	UBND huyện Phù Cừ	98,78	100
23	UBND huyện Yên Mỹ	97,83	100
24	UBND thị xã Mỹ Hào	98,64	100
25	UBND huyện Văn Lâm	99,44	100
26	UBND huyện Văn Giang	98,99	100

Phụ lục II
CÁC CHỈ TIÊU CHỈ PHÁT SINH HOẶC THỐNG KÊ ĐƯỢC CỦA UBND CẤP HUYỆN THÁNG 9/2024
(Kèm theo Công văn số /VPUB-PVHCC&KSTT ngày /10/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (%)	Kết quả cấp bản sao điện tử (bản)	Điểm đánh giá	Kết quả đánh giá
I	**UBND tỉnh Hưng Yên**	**81,82**	**291.901**	**83,47**	**Tốt**
1	UBND huyện Kim Động	78	41.528	88,4	**Tốt**
2	UBND huyện Tiên Lữ	76,5	31.250	87,82	**Tốt**
3	UBND huyện Văn Lâm	76,7	21.724	87,52	**Tốt**
4	UBND huyện Văn Giang	69,5	13.426	87,21	**Tốt**
5	UBND huyện Khoái Châu	71,8	41.435	87,04	**Tốt**
6	UBND Thị Xã Mỹ Hào	77,1	47.319	85,64	**Tốt**
7	UBND huyện Phù Cừ	76,6	18.413	85,43	**Tốt**
8	UBND huyện Yên Mỹ	72,7	21.718	85,4	**Tốt**
9	UBND huyện Ân Thi	76,1	21.739	85,14	**Tốt**
10	UBND thành phố Hưng Yên	71	33.349	84,2	**Tốt**